

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2024.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2. Ông Trần Đắc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Q - sinh năm 1981, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp G, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Sơn Thị N - sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp G, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Văn Q như sau:

Vào năm 2014, ông và bà Sơn Thị N tự tìm hiểu nhau, đến năm 2015 ông và bà Sơn Thị N sống chung như vợ chồng, không có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự

nguyên, vợ chồng ông đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G ngày 20/10/2017.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền bạc. Do ông tin tưởng vợ nên đi làm, lãnh lương về ông đưa hết tiền cho vợ giữ nhưng bà N xài tiền vào mục đích gì không cho ông biết, mỗi khi ông hỏi tiền là bị vợ chửi, rồi vợ chồng cự cãi. Vào năm 2019 (ông không nhớ tháng mấy), khi con bị bệnh ông phải về quê thăm con thì bà N bỏ đi theo người đàn ông khác cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và ông không còn tình cảm yêu thương bà Sơn Thị N nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Sơn Thị N.

Thời gian chung sống vợ chồng ông có 01 người con chung tên Phạm Gia H – sinh ngày 25/10/2016, hiện nay ông đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Sơn Thị N.

Về con chung: Ông xin nuôi con chung tên Phạm Gia H – sinh ngày 25/10/2016. Ông không yêu cầu bà Sơn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Sơn Thị N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Sơn Thị N không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà Sơn Thị N.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai

chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Phạm Văn Q được ly hôn với bà Sơn Thị N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Gia H – sinh ngày 25/10/2016 cho ông Phạm Văn Q nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Phạm Văn Q và bà Sơn Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Sơn Thị N là bị đơn trong vụ án, bà Sơn Thị N có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay bà Sơn Thị N vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 và 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Sơn Thị N vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Sơn Thị N.

Ông Phạm Văn Q có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Phạm Văn Q không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Văn Q.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn Q và bà Sơn Thị N sống chung như vợ chồng vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 155/2017, ngày 20/10/2017, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Phạm Văn Q và bà Sơn Thị N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của ông Phạm Văn Q và bà Sơn Thị N là hôn nhân tự nguyện vợ chồng ông sống hạnh phúc 05 năm và có 01 người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Ông Phạm Văn Q cho rằng vợ chồng ông bà mâu thuẫn về tiền bạc. Do ông tin tưởng vợ nên đi làm, lãnh lương về ông đưa hết tiền cho vợ giữ nhưng bà N xài tiền vào mục đích gì không cho ông biết, mỗi khi ông hỏi tiền là bị vợ chửi, rồi vợ chồng cự cãi. Vào năm 2019 (ông không nhớ tháng mấy), khi con bị bệnh ông phải về quê thăm con thì bà N bỏ đi theo người đàn ông khác cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông và bà Sơn Thị N không còn liên lạc với nhau, bà Sơn Thị N cũng không tới lui thăm nom con, thậm chí không gọi điện thoại hỏi thăm con. Ngày 25/7/2024 và ngày 12/8/2024, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Sơn Thị N vắng mặt và ông Phạm Văn Q cương quyết ly hôn với bà Sơn Thị N. Xét thấy, vợ chồng ông Phạm Văn Q và bà Sơn Thị N đã sống ly thân với nhau hơn 04 năm, trong thời gian này, bà Sơn Thị N và ông Phạm Văn Q không còn liên lạc với nhau, khi Tòa án mời bà Sơn Thị N đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì bà Sơn Thị N không có mặt cho thấy bà không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Ông Phạm Văn Q cương quyết xin ly hôn với bà Sơn Thị N và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương bà Sơn Thị N, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn Q.

[4] Về con chung: Ông Phạm Văn Q và bà Sơn Thị N có 01 người con chung tên Phạm Gia H – sinh ngày 25/10/2016, hiện nay ông Phạm Văn Q đang nuôi dưỡng.

Bà Sơn Thị N không có ý kiến về quyền nuôi con. Ông Phạm Văn Q xin nuôi con chung và cháu Phạm Gia H có nguyện vọng sống chung với cha nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Q.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Phạm Văn Q phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005957, ngày 06/5/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q.

Về hôn nhân: Xử cho ông Phạm Văn Q và bà Sơn Thị N được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H – sinh ngày 25/10/2016 cho ông Phạm Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Sơn Thị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở bà thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phạm Văn Q phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005957, ngày 06/5/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang